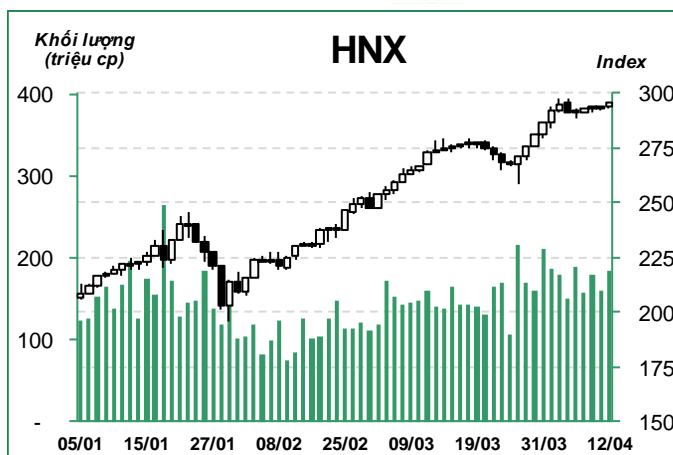
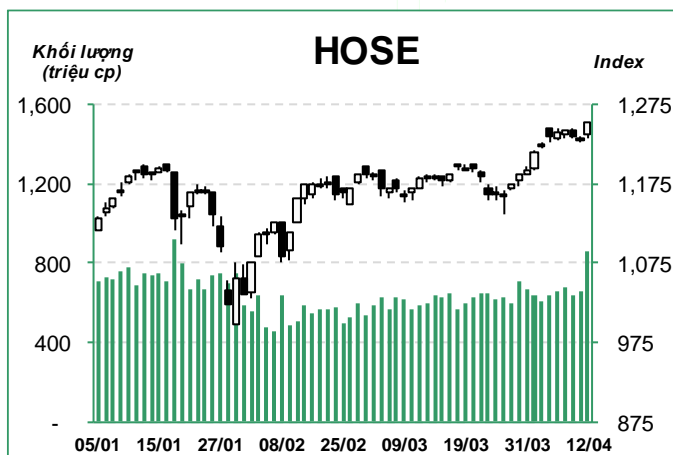


## Tổng quan thị trường

12/04/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,252.45</b>	<b>1.69%</b>	<b>1,278.19</b>	<b>1.99%</b>	<b>295.53</b>	<b>0.60%</b>
Cuối tuần trước	1,231.66	1.69%	1,253.26	1.99%	293.79	0.60%
Trung bình 20 ngày	1,205.32	3.91%	1,214.16	5.27%	283.64	4.20%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>890.31</b>	<b>21.49%</b>	<b>282.90</b>	<b>35.13%</b>	<b>191.78</b>	<b>16.61%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>857.65</b>	<b>30.77%</b>	<b>267.96</b>	<b>54.19%</b>	<b>183.19</b>	<b>13.97%</b>
Trung bình 20 ngày	652.76	31.39%	188.48	42.17%	167.82	9.16%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>21,517.67</b>	<b>18.17%</b>	<b>11,137.56</b>	<b>11.09%</b>	<b>3,212.59</b>	<b>13.19%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>19,983.94</b>	<b>41.35%</b>	<b>10,270.12</b>	<b>48.39%</b>	<b>3,092.20</b>	<b>12.16%</b>
Trung bình 20 ngày	14,513.10	37.70%	7,095.04	44.75%	2,754.61	12.26%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	301	62%	20	67%	140	39%
<b>Số mã giảm</b>	134	28%	6	20%	97	27%
<b>Số mã đứng giá</b>	48	10%	4	13%	124	34%



## Giao dịch thỏa thuận

Thị trường khởi đầu tuần mới với phiên tăng điểm vượt đỉnh của các chỉ số chính khi dòng tiền dịch chuyển trở lại các cổ phiếu vốn hóa lớn. Điểm nhấn của thị trường trong phiên hôm nay đến từ yếu tố thanh khoản khi giá trị giao dịch ghi nhận mức cao kỷ lục giúp đà tăng của chỉ số càng nói rộng hơn về cuối phiên.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tại mức 1,252.45 điểm (+1.69%). Thanh khoản tăng đột biến với KLGD khớp lệnh đạt 857.6 triệu cổ phiếu (+30.8%), tương đương giá trị khớp lệnh đạt 19,984 tỷ đồng (+41.4%). Độ rộng thị trường ghi nhận sự áp đảo của bên mua với 301 mã tăng/134 mã giảm.

Nhóm cổ phiếu BĐS và ngân hàng một lần nữa trở thành tâm điểm đà tăng cho chỉ số VN-Index. Với nhóm BĐS, không chỉ các cổ phiếu vốn hóa lớn tăng tốt như Vingroup-VIC (+5.7%), Vinhomes-VHM (+2.9%) hay Novaland-NVL (+5.9%) mà các cổ phiếu nhỏ hơn trong nhóm cũng sôi động với nhiều mã tăng trần như Quốc Cường Gia Lai-QCG (+7.0%), Địa ốc Long Điền-LDG (+7.0%) hay Địa ốc Hoàng Quân-HQC (+6.8%). Trong khi đó, nhóm ngân hàng cũng đồng thuận với lực cầu tham gia mạnh mẽ ở hầu hết các cổ phiếu trong nhóm, tiêu biểu như Vietcombank-VCB (+1.4%), VPBank-VPB (+3.8%) và Vietinbank-CTG (+1.6%). Ở chiều ngược lại, áp lực điều chỉnh không thực sự đáng kể, tập trung ở một số cổ phiếu như PV Gas-GAS (-1.0%), Becamex IDC-BCM (-1.4%), Vietnam Airline-HVN (-1.1%) và Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-0.4%).

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trở lại trên sàn HoSE, đạt giá trị 218.6 tỷ đồng. Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là VPBank-VPB (-96.8 tỷ), Vietcombank-VCB (-90.7 tỷ) và PV Gas-GAS (-85.2 tỷ). Trong khi đó, Vingroup-VIC (+110.7 tỷ), Sacombank-STB (+94.9 tỷ) và Novaland-NVL (+73.0 tỷ) là những cổ phiếu hút tiền mạnh từ khối ngoại trong hôm nay. Với sàn HNX, HNX-Index đóng cửa tăng lên mức 295.53 điểm (+0.60%). Thanh khoản cũng được cải thiện với KLGD khớp

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
TCB	7,915.0	329.16
VIC	1,000.0	126.05
MSN	1,155.0	106.34
SJS	1,495.0	59.80
VJC	450.0	59.54
IMP	772.4	59.47
NVL	655.0	55.99
SVC	790.7	51.55
VHM	500.0	49.45
FUEVFNVD	2,200.0	46.01
<b>HNX</b>		
VC3	2,496.8	59.92
HUT	4,500.0	29.70
NVB	667.2	12.01
SHB	500.0	11.40
HJS	120.6	3.50
CVN	150.0	1.61
PGN	57.8	1.09
LAS	50.0	0.59
DNC	7.6	0.33
THS	35.9	0.23

lệnh đạt 183.2 triệu cổ phiếu (+14.0%), tương đương 3,092.2 tỷ đồng giá trị (+12.2%).

Tương tự như sàn HoSE, sắc xanh cũng lan tỏa đến hầu hết các trụ cột trên sàn HNX. Trong đó, nổi bật nhất là nhóm chứng khoán với các cổ phiếu như Chứng khoán VNDIRECT-VND (+6.0%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.5%) hay Chứng khoán MB-MBS (+2.3%). Trong khi đó, nhóm cổ phiếu ngân hàng với Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+0.4%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (+2.2%) mặc dù tăng điểm nhưng thanh khoản đang có dấu hiệu có dấu hiệu suy yếu dần. Ở chiều ngược lại, Idico-IDC (-1.3%), Ngân hàng Bắc Á-BAB (-0.7%) và Dầu khí PTSC-PVS (-0.8%) là những cổ phiếu giảm điểm gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại có phiên mua ròng đáng chú ý trên sàn HNX hôm nay với 171.7 tỷ đồng (+1,717.6%). Trong đó, lượng mua ròng này chủ yếu đến từ Chứng khoán VNDIRECT-VND (+178.2 tỷ) cùng với một số cổ phiếu khác như Vicostone-VCS (+3.8 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+2.3 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu bị bán ròng bởi khối ngoại là CK Châu Á - TBD-APS (-9.3 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (-1.5 tỷ) và Chứng khoán Đầu tư VN-IVS (-1.3 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm trở lại. Khối lượng giao dịch gia tăng mạnh mẽ và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền đang gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, xu hướng tăng đang tiếp diễn, khi chỉ số đóng cửa trên mức cao mới cùng với chòm MA 5, 10, 20 duy trì trạng thái phân kỳ dương. Thêm vào đó, các chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên tích cực, cho thấy đà tăng đang mạnh dần lên, mở ra cơ hội cho chỉ số chinh phục ngưỡng 1,255 điểm (Fib 127.2) và xa hơn là ngưỡng tâm lý 1,300 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ năm liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với đường MA20 hướng lên tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn tiếp diễn và chỉ số có thể hướng lên thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 300 điểm. Nhìn chung, thị trường đang nằm trong xu hướng tăng khá tích cực. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, kỳ vọng kết quả kinh doanh quý 1 tăng trưởng khả quan và đang hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TNT	8.6	1,061.4	7.0%
MCG	4.3	708.7	7.0%
HAR	6.9	4,699.7	7.0%
QCG	10.4	2,916.6	7.0%
SJF	4.1	3,979.8	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
YEG	29.4	174.5	-7.0%
SVD	9.4	1,028.6	-7.0%
PMG	33.4	7.3	-7.0%
EMC	21.7	0.8	-6.9%
RIC	23.1	38.1	-6.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	51.2	1,367.1	3.3%
STB	23.5	1,154.6	3.3%
TCB	42.2	958.2	1.3%
SSI	36.5	607.7	3.5%
VPB	49.0	605.4	3.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	23.5	49,783.4	3.3%
FLC	12.3	49,034.6	2.5%
POW	14.3	39,387.8	3.3%
HAG	6.2	27,451.2	6.9%
HPG	51.2	27,110.4	3.3%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TTT	51.7	5.7	10.0%
PEN	7.7	1.0	10.0%
TTH	4.4	1,991.7	10.0%
VE4	26.6	12.5	9.9%
ARM	39.9	0.1	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CKV	12.6	302.0	-10.0%
VGP	31.0	2.5	-9.9%
VSM	16.8	0.7	-9.2%
BAX	101.9	75.4	-9.0%
SDU	10.6	2.7	-8.6%

#### Top 5 giá trị

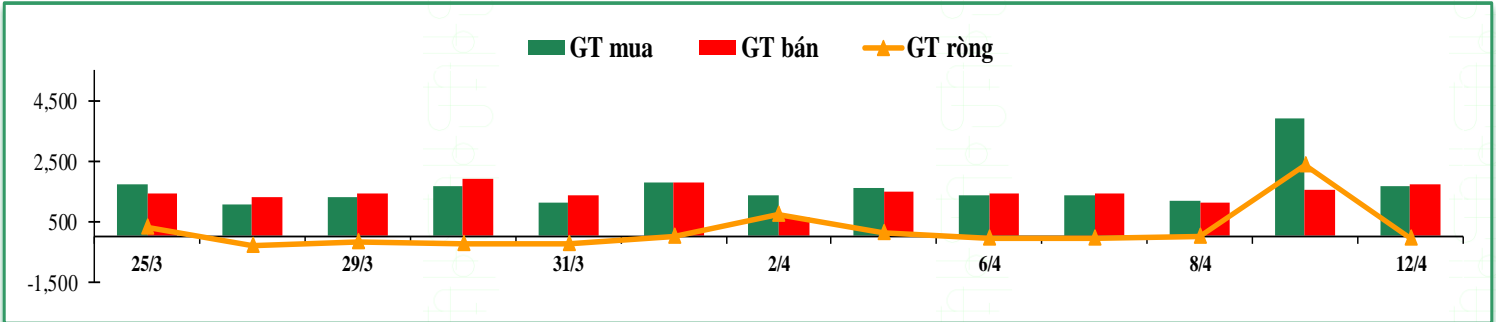
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	37.3	404.7	6.0%
SHS	32.4	371.5	2.5%
SHB	25.4	343.4	0.4%
PVS	23.6	228.6	-0.8%
ART	10.9	187.1	6.9%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ART	10.9	18,474.9	6.9%
KLF	5.0	15,775.9	8.7%
SHB	25.4	13,620.8	0.4%
SHS	32.4	11,562.3	2.5%
VND	37.3	11,135.0	6.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,488.2	6.9%	1,706.8	7.9%	-218.6
HNX	196.8	6.1%	25.1	0.8%	171.7
<b>Tổng số</b>	<b>1,685.0</b>		<b>1,731.9</b>		<b>-47.0</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	132.0	251.0	5.7%
VNM	100.0	132.9	0.2%
VHM	101.8	106.9	2.9%
STB	23.5	104.0	3.3%
HPG	51.2	99.3	3.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	100.0	187.9	0.2%
VHM	101.8	167.4	2.9%
VPB	49.0	142.0	3.8%
VIC	132.0	140.3	5.7%
VCB	98.9	120.0	1.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	132.0	110.7	5.7%
STB	23.5	94.9	3.3%
NVL	95.3	73.0	5.9%
FUEVFNVD	21.1	55.2	1.6%
HPG	51.2	38.9	3.3%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	37.3	181.1	6.0%
VCS	95.0	5.8	0.7%
SHS	32.4	2.4	2.5%
IDV	78.6	1.2	-3.6%
ART	10.9	1.0	6.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
APS	11.7	9.3	9.3%
VND	37.3	2.9	6.0%
VCS	95.0	2.0	0.7%
WCS	210.6	1.6	-3.3%
IVS	11.2	1.3	7.7%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	37.3	178.2	6.0%
VCS	95.0	3.8	0.7%
SHS	32.4	2.3	2.5%
IDV	78.6	1.2	-3.6%
NVB	18.3	0.8	2.2%

## Tin trong nước

---

### **Bloomberg: VinFast dự kiến IPO tại Mỹ huy động về 2 tỷ USD**

Tập đoàn Vingroup (VIC) đang xem xét đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng tại Mỹ đối với công ty sản xuất ô tô VinFast, dự kiến huy động khoảng 2 tỷ USD, theo nguồn tin của Bloomberg.

Nhà sản xuất ô tô lớn nhất Việt Nam đang làm việc với tư vấn để thực hiện chào bán ngay trong quý này, một đợt chào bán có thể huy động lên tới 3 tỷ USD. VinFast kỳ vọng vào mức định giá ít nhất 50 tỷ USD sau khi niêm yết, nguồn tin cho biết.

Với mức 2 tỷ USD, đợt IPO của VinFast sẽ là đợt IPO lớn nhất từ trước đến nay của một công ty Việt Nam. Trước đó, Vinhomes (cũng thuộc Vingroup) huy động về 1,4 tỷ USD từ bán cổ phần lần đầu năm 2018.

Hãng xe cũng có thể trở thành công ty Việt Nam đầu tiên niêm yết tại Mỹ nếu thành công.

Các chi tiết về đợt IPO của VinFast bao gồm quy mô và thời gian có thể thay đổi khi các cuộc thảo luận đang diễn ra. Đại diện Vingroup từ chối bình luận.

### **Thành viên đầu tiên của Sunshine Group lên sàn chứng khoán, tăng gần 40% trong ngày chào sàn**

SCG được thành lập từ tháng 4/2019 và là thành viên đầu tiên thuộc Sunshine Group lên sàn chứng khoán. Chủ tịch HĐQT Sunshine Group, ông Đỗ Anh Tuấn hiện cũng là chủ tịch HĐQT của SCG. Ông Tuấn hiện nắm giữ trực tiếp 15% cổ phần của SCG.

Hôm nay (12/4/2021), CTCP Xây dựng SCG (Mã CK: SCG) đã đưa 50 triệu cổ phiếu lên giao dịch trên sàn UPCOM với giá tham chiếu 20.600 đồng/cp.

Ngay từ những phút mở cửa, cổ phiếu SCG tăng hết biên độ (+39,8%) lên 28.800 đồng/cp với dư mua gần 2 triệu đơn vị. Tại mức giá này, vốn hóa thị trường của SCG đạt 1.440 tỷ đồng.

Nguồn: Cafef

---

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Vĩnh Hoàn đặt kế hoạch đi lùi, lợi nhuận dự kiến vào mức 700 tỷ đồng**

Vĩnh Hoàn (HoSE: VHC) vừa công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2021, dự trình kế hoạch doanh thu hợp nhất 8.600 tỷ đồng, tăng 22% và lợi nhuận sau thuế 700 tỷ đồng, giảm 3% so với thực hiện năm ngoái. Mức trả cổ tức dự kiến 10 - 20%.

Về kế hoạch đầu tư, Vĩnh Hoàn dự chi 1.300 tỷ đồng, trong đó 700 tỷ đồng xây dựng nhà máy thức ăn chăn nuôi, trại giống Vĩnh Hoàn và sở hữu đất cho khu liên hợp nông nghiệp thủy sản công nghệ cao.

Lũy kế 2 tháng đầu năm, tổng doanh thu của đạt 1.068 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, chủ yếu nhờ mức tăng trưởng cao của mảng phụ phẩm. Đặc biệt, doanh thu bán sang Trung Quốc của VHC 2 tháng qua đạt mức tăng đến 173%.

Tính đến tháng 2, VHC cho biết đã hoàn tất thu mua Xuất Nhập khẩu Sa Giang (HNX: SGC), với tỷ lệ sở hữu gần 51,3%. Bánh phồng tôm đang là sản phẩm chủ lực đóng góp 83% doanh thu Sa Giang, trong khi các sản phẩm từ gạo chiếm 16%. Trong đó, đến 47% doanh thu đến từ thị trường châu Âu.

### **Thép Tiến Lên báo lãi quý I đạt 120 tỷ đồng, gấp hơn 30 lần cùng kỳ**

Theo tài liệu họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT Tập đoàn thép Tiến Lên (HoSE: TLH) dự kiến trình kế hoạch tiêu thụ 400.000 tấn thép các loại, doanh thu 5.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 250 tỷ đồng; lần lượt tăng 6,7%, 25% và gấp 3,2 lần thực hiện năm trước.

Riêng quý I, doanh nghiệp đã thực hiện được 979 tỷ đồng doanh thu, đạt 20% kế hoạch năm và tăng 4% so với quý I/2020; lãi sau thuế 120 tỷ đồng, tương đương 48% kế hoạch năm và gấp hơn 30 lần con số gần 4 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) xảy ra hiện tượng nghẽn lệnh, lãnh đạo Thép Tiến Lên kiến nghị chuyển giao dịch tạm thời cổ phiếu TLH từ HoSE sang HNX để giảm tải cho hệ thống.

Đồng thời, HĐQT trình cổ đông chủ trương tham gia thiết kế, quy hoạch 1/500 và thực hiện đấu thầu dự án xây dựng khu đô thị mới Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; tiếp tục thực hiện dự án khu dân cư thương mại An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	GAS	Bán	13/04/21	87.9	91	-3.4%	100.6	10.5%	87.2	-4.2%	Xu hướng điều chỉnh
2	FRT	Chốt lời	13/04/21	31.9	28.2	13.1%	34	20.6%	26.9	-4.6%	Tín hiệu suy yếu
3	HPG	Nắm giữ	31/03/21	51.2	46.45	10.2%	54.6	17.5%	44.8	-3.6%	Vượt kháng cự

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	PC1	Quan sát mua	13/04/21	27.9	30.5	Nền tăng kèm vol tăng trở lại cho tín hiệu retest MA50 cũng như đáy cũ tích cực -> có cơ hội xuất hiện nhịp tăng về lại đỉnh cũ
2	BCG	Quan sát mua	13/04/21	15.3	18-18.2	Nền bật tăng tốt kèm vol cao trở lại sau nhịp sideway 3 sóng + bật tăng từ MA50 -> có cơ hội quay lại xu hướng tăng và có thể vượt đỉnh 16.3
3	POM	Quan sát mua	13/04/21	17.1	21-21.5	Nền tăng kèm vol cao trở lại khi đang trong vùng tích lũy -> khả năng sắp có phiên break

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DRC	Mua	29/03/21	29	28.3	2.5%	30.85	9.0%	27.1	-4%	
2	CTG	Mua	30/03/21	43.2	40	8.0%	44.3	10.8%	38.8	-3%	
3	HPG	Nắm giữ	31/03/21	51.2	46.45	10.2%	54.6	18%	44.8	-4%	Nâng giá mục tiêu lên 54.6 ngàn
4	DCM	Mua	01/04/21	18.15	17.45	4.0%	19.4	11%	16.9	-3%	
5	VHM	Mua	02/04/21	101.8	99	2.8%	106	7%	95.7	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	PLX	Mua	05/04/21	55.9	56.5	-1.1%	62	10%	55.1	-2%	
7	MWG	Mua	06/04/21	134.9	134.1	0.6%	147	10%	131	-2%	
8	FPT	Mua	07/04/21	82.1	79.4	3.4%	87	10%	77	-3%	
9	DIG	Mua	08/04/21	30.85	29.3	5.3%	32	9%	27.9	-5%	
10	PAN	Mua	09/04/21	30.5	29.3	4.1%	34	16%	28	-4%	
11	TPB	Mua	12/04/21	29.15	28.8	1.2%	31	8%	28	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 12/04/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2012	1,500	6,330	1.4%	322%	5,600	22	82,100	6,233	(97)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2016	2,580	6,760	0.3%	162%	21,190	71	82,100	6,462	(298)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2017	2,340	6,910	-0.9%	195%	5,890	14	82,100	6,836	(74)	MBS	FPT	54,800	4.0	26/04/2021
CFPT2101	1,500	3,150	2.6%	110%	21,740	84	82,100	1,345	(1,805)	MBS	FPT	74,500	6.0	05/07/2021
CHDB2007	2,701	3,670	-0.5%	36%	49,120	15	27,900	79	(3,591)	KIS	HDB	27,772	3.0	27/04/2021
CHDB2008	2,702	2,480	-0.8%	-8%	34,900	22	27,900	639	(1,841)	KIS	HDB	25,888	3.2	04/05/2021
CHDB2101	1,000	2,090	10.0%	109%	14,410	163	27,900	193	(1,897)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2014	7,200	36,090	6.6%	401%	10,320	7	51,200	36,911	821	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2018	1,200	5,450	8.8%	354%	67,770	32	51,200	5,314	(136)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	25,800	5.3%	353%	2,220	79	51,200	25,321	(479)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2022	2,100	12,250	8.4%	483%	7,440	22	51,200	12,117	(133)	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2026	3,350	7,500	8.7%	124%	35,890	28	51,200	7,380	(120)	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CHPG2101	1,050	3,460	8.8%	230%	13,900	163	51,200	1,466	(1,994)	KIS	HPG	46,888	4.0	22/09/2021
CHPG2102	6,600	13,100	13.9%	98%	49,900	84	51,200	10,404	(2,696)	ACBS	HPG	41,000	1.0	05/07/2021
CHPG2103	3,900	6,080	16.0%	56%	52,050	85	51,200	4,707	(1,373)	VND	HPG	42,000	2.0	06/07/2021
CHPG2104	1,500	3,600	12.9%	140%	30,260	84	51,200	2,223	(1,377)	MBS	HPG	44,800	3.0	05/07/2021
CHPG2105	3,000	6,760	10.6%	125%	32,670	119	51,200	4,774	(1,986)	HCM	HPG	42,000	2.0	09/08/2021
CKDH2001	1,400	1,800	0.6%	29%	9,910	32	32,100	1,482	(318)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	2,150	0.5%	34%	9,510	126	32,100	1,247	(903)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	1,860	0.5%	86%	6,120	163	32,100	197	(1,663)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CMBB2010	4,600	15,960	1.6%	247%	9,140	63	31,650	15,709	(251)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	4,140	1.5%	159%	39,850	85	31,650	2,890	(1,250)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMSN2007	1,400	3,700	1.1%	164%	15,580	15	91,900	3,544	(156)	KIS	MSN	56,868	9.9	27/04/2021
CMSN2009	1,200	3,440	2.7%	187%	8,980	32	91,900	3,032	(408)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2101	1,050	1,770	1.1%	69%	9,240	163	91,900	131	(1,639)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMSN2102	1,000	1,700	4.9%	70%	9,010	163	91,900	36	(1,664)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMWG2013	12,000	21,000	2.4%	75%	2,430	79	134,900	19,673	(1,327)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2015	1,900	3,530	5.4%	86%	14,960	28	134,900	3,506	(24)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	3,100	2.0%	82%	11,750	59	134,900	2,727	(373)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2017	2,410	3,390	6.6%	41%	22,510	14	134,900	3,374	(16)	MBS	MWG	108,000	8.0	26/04/2021
CMWG2101	2,400	2,690	3.1%	12%	5,960	85	134,900	1,859	(831)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	5,100	-1.0%	70%	1,090	112	134,900	3,282	(1,818)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,020	0.5%	6%	11,660	84	134,900	848	(1,172)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CNVL2003	1,000	3,330	22.4%	233%	223,800	60	95,300	3,187	(143)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	2,400	17.1%	140%	48,630	163	95,300	1,142	(1,258)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CPNJ2101	1,700	1,780	2.9%	5%	23,170	85	91,800	1,436	(344)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	3,140	7.5%	57%	8,160	112	91,800	2,522	(618)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,090	2.3%	7%	13,490	67	91,800	2,663	(427)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2006	1,500	3,000	-1.3%	100%	10,370	28	53,600	(0)	(3,000)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CREE2101	2,300	2,940	0.0%	28%	1,990	85	53,600	1,470	(1,470)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2007	1,700	3,700	2.8%	118%	45,680	15	22,500	3,429	(271)	KIS	SBT	15,999	1.9	27/04/2021
CSBT2101	1,100	1,840	4.6%	67%	21,480	163	22,500	127	(1,713)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2007	1,500	6,300	6.8%	320%	64,670	45	23,450	6,240	(60)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	5,850	8.5%	432%	64,960	60	23,450	5,747	(103)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	11,820	8.0%	211%	69,270	63	23,450	11,494	(326)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2016	1,200	4,740	10.5%	295%	30,180	22	23,450	4,664	(76)	KIS	STB	14,141	2.0	04/05/2021
CSTB2017	2,680	8,400	13.4%	213%	22,280	14	23,450	8,163	(237)	MBS	STB	15,300	1.0	26/04/2021
CSTB2101	1,000	3,200	8.1%	220%	34,880	163	23,450	1,197	(2,003)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	6,800	10.2%	240%	18,460	53	23,450	5,506	(1,294)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	3,630	7.1%	159%	64,590	119	23,450	2,791	(839)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CTCB2012	5,400	20,690	1.6%	283%	13,910	109	42,150	20,291	(399)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2013	4,700	19,200	1.8%	309%	2,800	22	42,150	19,180	(20)	SSI	TCB	23,000	1.0	04/05/2021
CTCB2101	5,000	14,600	5.0%	192%	4,870	176	42,150	11,509	(3,091)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	5,170	3.4%	125%	18,500	85	42,150	3,172	(1,998)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	5,500	1.5%	90%	29,440	119	42,150	3,484	(2,016)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCH2001	1,400	1,570	-1.9%	12%	28,690	32	25,900	783	(787)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2003	1,600	2,160	0.0%	35%	12,470	126	25,900	696	(1,464)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,490	-2.7%	149%	6,710	163	25,900	697	(1,793)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CVHM2006	1,000	940	9.3%	-6%	136,380	15	101,800	849	(91)	KIS	VHM	84,888	20.0	27/04/2021
CVHM2008	1,400	2,110	6.0%	51%	38,230	60	101,800	1,323	(787)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2010	1,300	2,600	6.1%	100%	54,780	22	101,800	2,540	(60)	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVHM2101	1,100	2,050	9.0%	86%	6,770	163	101,800	242	(1,808)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	2,300	2,640	5.6%	15%	9,480	85	101,800	1,526	(1,114)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,980	4.8%	20%	27,000	53	101,800	912	(1,068)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	2,100	8.8%	31%	59,770	119	101,800	660	(1,440)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVIC2004	1,000	1,630	32.5%	63%	224,470	15	132,000	1,604	(26)	KIS	VIC	99,999	20.0	27/04/2021
CVIC2005	1,500	3,030	23.7%	102%	137,340	60	132,000	2,551	(479)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2101	1,000	2,000	9.9%	100%	45,990	163	132,000	500	(1,500)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	3,650	19.7%	103%	28,430	53	132,000	3,231	(419)	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVJC2004	1,200	900	-1.1%	-25%	16,480	15	131,800	820	(80)	KIS	VJC	115,511	20.0	27/04/2021
CVJC2006	1,000	1,420	-1.4%	42%	11,790	60	131,800	1,054	(366)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	1,270	4.1%	15%	13,670	60	100,000	0	(1,270)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	1,760	6.0%	60%	9,090	163	100,000	6	(1,754)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	1,930	2.1%	14%	17,050	85	100,000	27	(1,903)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	2,040	2.0%	20%	19,540	67	100,000	65	(1,975)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVPB2011	1,900	12,550	8.4%	561%	1,940	22	49,000	12,516	(34)	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2015	5,600	23,960	9.4%	328%	7,260	109	49,000	23,166	(794)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2016	4,800	22,150	9.4%	361%	170	22	49,000	22,035	(115)	SSI	VPB	27,000	1.0	04/05/2021
CVPB2101	2,900	6,250	9.7%	116%	27,980	85	49,000	6,092	(158)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	7,100	14.5%	154%	10,750	53	49,000	6,805	(295)	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	7,130	11.6%	164%	17,720	119	49,000	6,382	(748)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVRE2009	1,400	1,240	1.6%	-11%	58,180	45	35,300	877	(363)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2011	1,500	1,580	1.9%	5%	26,070	60	35,300	887	(693)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	8,800	2.3%	76%	27,630	109	35,300	7,983	(817)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2014	4,600	7,950	3.3%	73%	24,720	22	35,300	7,836	(114)	SSI	VRE	27,500	1.0	04/05/2021
CVRE2015	2,270	3,850	1.6%	70%	27,060	14	35,300	3,911	61	MBS	VRE	27,500	2.0	26/04/2021
CVRE2101	1,200	2,050	1.5%	71%	10,940	163	35,300	682	(1,368)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	2,170	0.5%	21%	14,940	85	35,300	1,367	(803)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,040	2.0%	57%	44,290	119	35,300	971	(1,069)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021E (tỷ)	EPS 2021E	BV 2021E	ROE 2021E	ROA 2021E	PE 2021E	PB 2021E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">VHC</a> (New)	HOSE	38,600	48,900	12/04/2021	951	5,188	31,003	12%	16.7%	9.4	1.6	-
<a href="#">ACV</a> (New)	UPCOM	73,000	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	4.7%	60.6	4.7	6%
<a href="#">ANV</a> (New)	HOSE	23,250	26,000	05/04/2021	281	2,202	18,506	12%	5.9%	11.8	1.4	-
<a href="#">REE</a> (New)	HOSE	53,600	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9.0%	10.4	1.4	0%
<a href="#">VNM</a> (New)	HOSE	100,000	128,000	01/04/2021	10,488	4,972	16,501	30%	19.8%	25.8	7.8	45%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	55,900	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	6.8%	17.7	3.7	30%
<a href="#">SBT</a>	HOSE	22,500	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	3.7%	25.8	2.2	5%
<a href="#">MPC</a>	UPCOM	36,800	44,700	25/03/2021	762	3,811	27,801	14%	8.2%	11.7	1.6	-
<a href="#">HPG</a>	HOSE	51,200	52,900	22/03/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12.0%	10.5	2.4	5%
<a href="#">FMC</a>	HOSE	35,000	43,900	18/03/2021	236	4,014	21,355	17%	11.5%	10.0	1.9	-
<a href="#">GVR</a>	HOSE	28,400	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6.0%	38.6	3.1	3%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	35,300	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7.1%	29.2	3.3	-
<a href="#">TCM</a>	HOSE	114,000	66,000	11/03/2021	287	4,630	28,532	16%	9.4%	12.5	2.0	-
<a href="#">MWG</a>	HOSE	134,900	140,600	08/03/2021	4,546	10,036	41,716	24%	8.8%	14.0	3.4	15%
<a href="#">GAS</a>	HOSE	87,900	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	14.8%	18.0	3.7	35%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	49,900	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	11.9%	8.4	1.8	-
<a href="#">MSN</a>	HOSE	91,900	110,800	26/02/2021	94,870	1,890	16,195	13%	2.0%	58.7	6.9	45%
<a href="#">STK</a>	HOSE	33,300	33,800	25/02/2021	195	2,753	16,049	17%	11.0%	12.5	2.1	-
<a href="#">GMD</a>	HOSE	35,700	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5.0%	12.8	1.0	10%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	36,200	39,000	24/02/2021	966	3,763	26,600	14%	7.0%	10.4	1.5	5%
<a href="#">TNG</a>	HOSE	24,700	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5.2%	8.9	1.5	-
<a href="#">DGW</a>	HOSE	118,700	103,700	08/02/2021	425	9,881	35,452	28%	11.1%	10.5	2.9	20%
<a href="#">GIL</a>	HOSE	73,500	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	9.8%	6.2	1.3	-
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	91,800	89,000	04/02/2021	1,097	4,869	23,033	21%	12.6%	18.5	3.9	18%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

<a href="#">GTN</a>	HOSE	22,200	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	7.6%	58.4	2.3	0%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	72,700	59,400	21/01/2021	210	3,144	27,758	12%	10.0%	18.9	2.3	20%
<a href="#">FRT</a>	HOSE	31,900	37,700	20/01/2021	28	350	15,466	2%	0.6%	62.0	1.4	10%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	98,900	113,000	19/01/2021	18,436	4,971	31,498	17%	1.4%	22.7	3.6	0%
<a href="#">ACB</a>	HOSE	35,150	32,300	19/01/2021	8,912	4,123	20,313	23%	1.9%	7.8	3.6	0%
<a href="#">TCB</a>	HOSE	42,150	26,700	19/01/2021	15,022	4,292	25,693	18%	3.5%	6.5	1.1	0%
<a href="#">VHM</a>	HOSE	101,800	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	11.8%	9.8	2.4	-
<a href="#">KDH</a>	HOSE	32,100	29,400	19/01/2021	1,763	3,182	17,973	19%	8.3%	8.5	1.5	-
<a href="#">SAB</a>	HOSE	175,000	182,900	19/01/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17.3%	26.6	5.1	35%
<a href="#">LHG</a>	HOSE	35,150	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	5.6%	8.1	1.0	-
<a href="#">PHR</a>	HOSE	59,500	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	15.7%	6.6	2.1	30%
<a href="#">PVS</a>	HNX	23,600	16,100	19/01/2021	928	1,843	27,820	7%	3.4%	8.7	0.6	5%
<a href="#">PLX</a>	HOSE	55,900	56,200	19/01/2021	3,917	2,905	21,808	17%	6.8%	19.3	2.6	30%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## **Đảm bảo phân tích**

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.